



**BARIA VUNGTAU  
UNIVERSITY**  
CÁP SAINT JACQUES

# TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

website: [www.bvu.edu.vn](http://www.bvu.edu.vn)

**ISSN 2734 - 9802**  
**No. 03 - 07/2022**

## SCIENTIFIC JOURNAL OF BARIA VUNGTAU UNIVERSITY

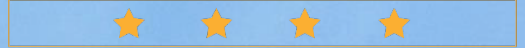
BARIA VUNGTAU  
UNIVERSITY  
CÁP SAINT JACQUES



**BARIA VUNGTAU**  
**UNIVERSITY**  
CAP SAINT JACQUES



**STARS**<sup>TM</sup>  
RATING SYSTEM





Tòa soạn: 80 Trương Công Định, phường 3,  
Tp.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu  
ĐT: 0254.7305456 – 3040  
Fax: 0254.353.2233  
Email: [bvujournal@bvu.edu.vn](mailto:bvujournal@bvu.edu.vn)

TẠP CHÍ XUẤT BẢN  
BỐN THÁNG MỘT LẦN

SỐ 04  
05/2024

## PHỤ TRÁCH

*TS MAI XUÂN THIỆU*

## BAN BIÊN TẬP

*PGS.TS.LS NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG*

*GS.TS HOÀNG VĂN CHÂU*

*GS.TS TRẦN NGỌC THÊM*

*PGS.TS TRƯƠNG VĂN CHUNG*

*TS NGUYỄN THỊ ĐỨC LOAN*

*TS LÊ THỊ VĨNH THANH*

*TS PHẠM HẢI LONG*

**Giấy phép xuất bản:**

Số 436/GP-BTTTT

ngày 13/07/2021

ISSN 2734 - 9802

## MỤC LỤC

<b>Nghiêm Phúc Hiếu, Võ Thị Như Hảo, Lê Kim Ngân, Phạm Tú Anh, Phạm Phương Linh</b> - Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua xe máy điện của sinh viên Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu.....	1
<b>Nguyễn Thị Ánh Hoa</b> - Thẩm định giá bất động sản theo phương pháp so sánh tại Việt Nam.....	11
<b>Đỗ Thị Bích Hồng</b> - Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ ngân hàng bán lẻ của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam..	21
<b>Hồ Thị Yến Ly, Đỗ Thị Bích Hồng</b> - Kết quả thực hiện chính sách tín dụng sinh viên của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.....	30
<b>Nguyễn Văn Rõ</b> - Quy định pháp luật về ưu đãi tài chính đối với chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Việt Nam, thực trạng và hướng hoàn thiện.....	39
<b>Hoàng Văn Tú1, Phạm Thị Thùy Linh, Nguyễn Văn Quang</b> - Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, những thách thức mới và khuyến nghị (trong giai đoạn tới 2030, tầm nhìn đến 2045) .....	48
<b>Lưu Hoàng</b> Điều khiển động cơ không đồng bộ dùng mô hình nội và mạng hồi quy.....	57
<b>Nguyễn Thị Nga</b> Đặc trưng ẩm thực theo mùa ở Hàn Quốc thông qua tục ngữ 한국 속담을 통해 계절 음식에 대한 특징 .....	68

## CONTENTS

- Nghiem Phuc Hieu, Vo Thi Nhu Hao, Le Kim Ngan, Pham Tu Anh, Pham Phuong Linh** - Factors affecting the intention to buy electric motorbikes of students at Ba Ria - Vung Tau University.....1
- Nguyen Thi Anh Hoa** - Real estate valuation according to comparison method in Vietnam .....11
- Do Thi Bich Hong** - Solutions to improve the efficiency of retail banking services of commercial banks in Vietnam .....21
- Ho Thi Yen Ly, Do Thi Bich Hong** - Results of implementation of student credit policy of Vietnam Bank for Social Policies ..... 30
- Nguyen Van Ro** - Legal regulations on financial incentives for investors building social housing in Vietnam, current situation and direction for improvement ..... 39
- Hoang Van Tu, Pham Thi Thuy Linh, Nguyen Van Quang** - Socialist-oriented market economy in Vietnam, new challenges and recommendations (in the period up to 2030, vision to 2045) .....48
- Luu Hoang** - Control of Asynchronous Motor Using Internal Model and Recurrent Neural Network .....57
- Nguyen Thi Nga** - Seasonal Culinary Features in Korea through Proverbs.....68



SCIENTIFIC JOURNAL OF  
BARIA VUNGTAU UNIVERSITY

*Scientific Journal of  
Baria VungTau University*

Head Office: 80 Truong Cong Dinh street,  
Ward 3, Vungtau city,  
Baria Vungtau province  
Tel: 0254.7305456 – 3040  
Fax: 0254.353.2233  
Email: [bvujournal@bvu.edu.vn](mailto:bvujournal@bvu.edu.vn)

THIS JOURNAL IS ISSUED  
EVERY FOUR MONTHS

No. 04  
05/2024

### EDITOR-IN-CHEF

*Dr MAI XUAN THIEU*

### EDITORIAL BOARD

*Assoc Prof. Dr NGUYEN THI HOAI PHUONG*

*Prof. Dr HOANG VAN CHAU*

*Prof. Dr TRAN NGOC THEM*

*Assoc Prof. Dr TRUONG VAN CHUNG*

*Dr. NGUYEN THI DUC LOAN*

*Dr. LE THI VINH THANH*

*Dr. PHAM HAI LONG*

### Press Licence:

No. 436/GP-BTTTT

dated 13/07/2021

ISSN 2734 - 9802

## Kết quả thực hiện chính sách tín dụng sinh viên của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam

### Results of implementation of student credit policy of Vietnam Bank for Social Policies

Hồ Thị Yến Ly\*, Đỗ Thị Bích Hồng

Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu

\*Email tác giả liên hệ: [lyhty@bvu.edu.vn]

---

#### THÔNG TIN

Ngày nhận: 16/4/2022

Ngày nhận lại: 14/12/2022

Duyệt đăng: 7/5/2024

#### Từ khóa:

Tín dụng sinh viên, Ngân hàng  
Chính sách xã hội, chất lượng  
tín dụng, chính sách tín dụng,  
sinh viên

#### Keywords:

Student credit, Vietnam bank for  
social policies (VBSP), credit  
quality, creditpolicy, student

#### TÓM TẮT

Chính sách tín dụng sinh viên được xem là chính sách trọng điểm, quan trọng trong chủ trương phát triển giáo dục của Nhà nước. Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) đã và đang đồng hành cùng các đối tượng chính sách tiếp cận được nguồn vốn vay để trang trải chi phí học tập. Mục tiêu của bài viết là tổng hợp kết quả quá trình thực hiện chương trình tín dụng sinh viên và tìm hiểu những yếu tố tác động đến quá trình thực hiện chính sách. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là phương pháp lý thuyết thu thập các thông tin tài liệu văn bản và phương pháp thu thập các số liệu liên quan nhằm phân tích, đánh giá kết quả thực hiện chính sách, từ đó đưa ra những khuyến nghị góp phần đưa nguồn vốn tín dụng đến đúng đối tượng và có hiệu quả.

#### ABSTRACT

Student credit policy is considered an important key policy in the educational development policy of the government. Vietnam Bank for Social Policies has been accompanying policy beneficiaries to access loans to cover study costs. The objective of the article is to summarize the results of the implementation of the student credit program and understand the factors that affect the policy implementation. The research method used is the theoretical method of collecting information, documents, and relevant data in order to analyze and evaluate the results of policy implementation, thereby making recommendations that contribute to bringing credit capital to the right subject and in an effective manner.

---

### 1. Mở đầu

Chính sách tín dụng dành cho sinh viên được triển khai thực hiện lần đầu tiên vào năm 1998 theo Quyết định 51/1998/QĐ-TTg ngày 02/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập “Quỹ tín dụng đào tạo”. Đến năm 2007 chính sách này trở thành trọng tâm của xã hội. Chính phủ tiếp tục ra Quyết định 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 về

chính sách tín dụng đối với sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và một số các quy định, thông tư hướng dẫn chi tiết thực thi được kèm theo. Đến nay chương trình đã có nhiều đổi mới về chính sách cũng như điều kiện vay vốn như: Đối tượng cho vay được mở rộng hơn, bao gồm học sinh sinh viên là thành viên của hộ nghèo, hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo theo quy định của pháp luật, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các cơ sở đào tạo nghề, không phân biệt loại hình đào tạo (công lập hay dân lập) và thời gian đào tạo trên 1 năm hay dưới 1 năm.<sup>(1)</sup>

Với mục tiêu sử dụng nguồn lực của Nhà nước để cung cấp tín dụng ưu đãi cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn học tập như chi trả học phí, chi phí mua sách vở, các chi phí sinh hoạt như chi phí đi lại, ăn ở, ... trong quá trình theo học tại các trường học, cơ sở giáo dục nhằm thực công bằng xã hội, bảo đảm không để sinh viên nào phải bỏ học vì khó khăn về kinh tế.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp thu thập dữ liệu: Tác giả đã sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp từ các bài báo, tạp chí chuyên ngành, các công trình nghiên cứu khoa học, một số trang Web và báo cáo thường niên của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Phương pháp xử lý dữ liệu: Sử dụng những dữ liệu thu thập được trong giai đoạn từ 2019 đến 2021 tác giả tiến hành phân tích, so sánh, đánh giá kết quả thực hiện đã đạt được và chưa được để từ đó đưa ra những khuyến nghị để cải thiện hoạt động tốt hơn trong thời gian tới.

## **3. Chỉ tiêu đánh giá**

Đánh giá kết quả của chính sách tín dụng sinh viên theo các nhà nghiên cứu kinh tế họ dựa trên 2 góc độ đó là hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội. Trong hoạt động cho vay tín dụng sinh viên Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam cần phải hạn chế những tổn thất xảy ra như khả năng thu hồi vốn kém, tỷ lệ nợ quá hạn cao, đối tượng vay vốn hạn chế, ... Thông qua quá trình cho vay, NHCSXH đã hỗ trợ, giúp đỡ nhiều sinh viên trang trải chi phí học tập, tạo công ăn việc làm từ đó có trách nhiệm hoàn trả các khoản nợ vay, nâng cao chất lượng cuộc sống, rút ngắn khoảng cách phân hoá giàu nghèo trong xã hội.<sup>(2)</sup>

Theo báo cáo của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và Bộ Giáo dục và Đào tạo tỷ lệ học sinh, sinh viên có nhu cầu vay vốn từ 10% - 15% số lượng nhập trường hàng năm.

Tổng số sinh viên có việc làm sau khi ra trường, chiếm tỷ lệ 68%, mức thu nhập trung bình là 6 triệu đồng/người/tháng.<sup>(3)</sup>

Như vậy, để đánh giá chương trình tín dụng đạt hiệu quả ta cần thực hiện việc đánh giá cả về mặt định tính và định lượng.

### **Chỉ tiêu đánh giá định tính<sup>(2)</sup>**

Chương trình tín dụng sinh viên là việc cung cấp tín dụng cho sinh viên tiếp cận

<sup>(1)</sup> Lê, T.H.L (2017). *Thực thi chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên tại NHCSXH Việt Nam*. Luận văn thạc sĩ chính sách công, Học viện Hành chính Quốc gia. (trích dẫn lại)

<sup>(2)</sup> Hà, M.S (2019). Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tín dụng chính sách đối với học sinh, sinh viên. *Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán*, số 08. (trích dẫn lại)

<sup>(3)</sup> Lan Phương (2022). *Đề xuất nâng mức cho vay đối với học sinh, sinh viên lên 4 triệu đồng/tháng*. Báo điện tử Chính phủ. (trích dẫn lại)

giáo dục với mục đích trang bị cho họ đầy đủ những kiến thức giúp họ nâng cao khả năng tìm kiếm việc làm, cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống từ đó góp phần vào chính sách xoá đói giảm nghèo của Nhà nước. Ngoài ra, nó còn góp phần giúp sinh viên nâng cao ý thức học tập, tạo ra được nguồn nhân lực có chất lượng cho xã hội từ đó sinh viên có ý thức trách nhiệm trong việc hoàn trả vốn tín dụng đúng hạn, NHCSXH có nguồn vốn tiếp tục xoay vòng và cho đến nay, qua các số liệu thống kê cho thấy nhiều sinh viên vay vốn tốt nghiệp ra trường đã hoàn trả được số tiền đã vay mượn cho NHCSXH. Đây chính là sự nỗ lực không ngừng của sinh viên cũng như được sự hỗ trợ của các ban ngành có liên quan trong việc tạo điều kiện cho sinh viên ra trường có cơ hội làm việc và có thu nhập.

### **Chỉ tiêu đánh giá định lượng**

NHCSXH là ngân hàng hoạt động không theo mục tiêu lợi nhuận, là ngân hàng được nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi nhằm xoá đói giảm nghèo. Do đó việc đánh giá định lượng không còn là chỉ tiêu xác định lợi nhuận mang lại mà chủ yếu dựa vào các chỉ tiêu như nguồn vốn hoạt động, doanh số cho vay, dư nợ tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn,...

## **4. Nội dung nghiên cứu**

### **4.1. Kết quả thực hiện chính sách tín dụng sinh viên**

#### **Nguồn vốn hoạt động tín dụng**

Nguồn vốn hoạt động của NHCSXH được huy động từ các nguồn như: Ngân sách Nhà nước, vốn vay và huy động; vốn nhận uỷ thác từ ngân sách địa phương và các chủ đầu tư khác và các nguồn vốn khác.

### **Bảng 1**

Cơ cấu nguồn vốn hoạt động của NHCSXH

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2021</b>	<b>2020</b>	<b>2019</b>	<b>So sánh tỷ lệ</b>	
				<b>2021/2020</b>	<b>2020/2019</b>
Vốn ngân sách nhà nước	39.386	37.603	35.591	4,74%	5,65%
Vốn vay và huy động	170.108	167.035	151.847	1,84%	10,0%
Vốn nhận uỷ thác	24.702	20.315	15.434	21,58%	31,62%
Các nguồn vốn khác	22.128	13.421	13.490	64,87%	-0,51%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>256.324</b>	<b>238.374</b>	<b>216.362</b>	<b>7,53%</b>	<b>10,17%</b>

Đơn vị tính: tỷ đồng

Nguồn: Báo cáo thường niên NHCSXH

Qua bảng số liệu ta thấy nguồn vốn hoạt động của NHCSXH tăng lên, đặc biệt là nguồn vốn nhận uỷ thác từ các địa phương trong năm 2021 tăng vượt trội. Điều này cho thấy sự nỗ lực trong việc huy động vốn của ngân hàng cũng như sự quan tâm từ các ban ngành địa phương.

Nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp tăng lên mỗi năm, đặt biệt là nguồn vốn thực hiện chương trình tín dụng cho thấy được sự quan tâm của Chính phủ đến người dân, giúp người dân thoát nghèo, giúp cho các em sinh viên tiếp tục đến trường và viết tiếp ước mơ tương lai cho bản thân, từ đó giúp đỡ gia đình thoát nghèo.

## Doanh số cho vay

Ngày 23/3/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 05/2022/QĐ-TTg, có hiệu lực từ ngày 19/5/2022 (Quyết định 05) sửa đổi, bổ sung (lần thứ 8) một số Điều của Quyết định 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 về tín dụng đối với sinh viên. Theo đó, mức vốn cho vay tối đa được điều chỉnh từ 2.500.000 đồng/tháng/sinh viên (Quyết định 1656/QĐ-TTg) lên 4.000.000 đồng/tháng/sinh viên (Khoản 2 Điều 1 Quyết định 05).

### Bảng 2

Doanh số cho vay tín dụng sinh viên

Chỉ tiêu	2021	2020	2019
Tổng nguồn vốn	<b>256.324</b>	<b>238.374</b>	<b>216.362</b>
Tổng vốn ngân sách nhà nước cấp tín dụng sinh viên	6.503	6.530	6.530
Doanh số cho vay tín dụng sinh viên	14.556	10.179	6.908
Tỷ trọng Doanh số cho vay/ Tổng nguồn vốn	5,68%	4,27%	3,19%
Tỷ trọng Doanh số cho vay sinh viên/Vốn tín dụng ngân sách nhà nước cấp	222,91%	155,88%	105,79%

Đơn vị tính: tỷ đồng

Nguồn: Tổng hợp Báo cáo NHCSXH

Số liệu cho thấy doanh số cho vay tín dụng sinh viên tăng lên mỗi năm cho thấy sự nỗ lực của NHCSXH trong việc hỗ trợ cho sinh viên vay vốn trang trải chi phí học tập, tạo sự gắn kết giữa kinh tế với xã hội, bình đẳng trong giáo dục và góp phần tạo nguồn nhân lực cho xã hội. Tuy nhiên tỷ trọng doanh số cho vay so với tổng nguồn vốn vẫn chưa cao. Cũng qua kết quả trên cho thấy được NHCSXH đã thực hiện có hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp dành cho hoạt động tín dụng sinh viên là 100%.

## Dư nợ tín dụng sinh viên

### Bảng 3

Cơ cấu dư nợ tín dụng sinh viên

Chỉ tiêu	2021	2020	2019
Tổng dư nợ	247.970	226.197	206.805
Tỷ lệ tăng trưởng dư nợ	9,63%	9,38%	10,12%
Dư nợ cho vay sinh viên	9.896	10.469	11.020
Số sinh viên dư nợ	343.131	372.969	401.000
Số sinh viên được vay vốn	55.000	44.585	43.813
Tỷ lệ tăng trưởng dư nợ sinh viên	-5,47%	-5%	-15,53%
Tỷ trọng dư nợ sinh viên/tổng dư nợ	3,99%	4,63%	5,32%

Đơn vị tính: tỷ đồng, sinh viên

Nguồn: báo cáo thường niên NHCSXH

Kết quả trên cho thấy sự nỗ lực của toàn hệ thống NHCSXH và sự phối hợp chặt chẽ của ngân hàng với các tổ chức có liên quan. NHCSXH đã không ngừng tăng cường các mối liên hệ với chính quyền địa phương các cấp trong việc tuyên truyền chính sách tín dụng ưu đãi dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, điều này thể hiện qua số lượng sinh viên được vay vốn tăng qua các năm. NHCSXH các cấp có những tác động tích cực giúp người vay nhận thức trách nhiệm trả nợ các khoản vay của mình và ngân hàng đã có những phương thức uỷ thác thu nợ mang lại hiệu quả. Đồng thời cho thấy tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm để trả các khoản nợ theo đúng thời hạn.

### Hiệu quả sử dụng vốn

**Bảng 4**

Cơ cấu hiệu quả sử dụng vốn

Chỉ tiêu	2021	2020	2019	So sánh tỷ lệ	
				2021/2020	2020/2019
Tổng nguồn vốn	256.324	238.374	216.362	7,53%	10,17%
Tổng dư nợ	247.970	226.197	206.805	9,62%	9,38%
Dư nợ cho vay sinh viên	9.896	10.469	11.020	-5,47%	-5,00%
Hiệu quả sử dụng vốn	1,25	1,05	0,86	19,05%	22,09%
Hiệu quả sử dụng vốn sinh viên	0,05	0,05	0,05	-	-

Đơn vị tính: tỷ đồng  
 Nguồn: báo cáo thường niên NHCSXH

Theo số liệu phân tích nhìn chung về hiệu quả sử dụng vốn dành cho hoạt động tín dụng của NHCSXH chưa thực hiện tốt việc huy động vốn, vốn tham gia hoạt động tín dụng còn ít, khả năng huy động vốn của ngân hàng chưa tốt. Về đánh giá hiệu quả sử dụng vốn tín dụng sinh viên thì ngân hàng chưa sử dụng hiệu quả toàn bộ nguồn vốn huy động và gây lãng phí.

### Tỷ lệ nợ quá hạn

**Bảng 5**

Tỷ lệ nợ quá hạn

Chỉ tiêu	2021	2020	2019
Dư nợ cho vay sinh viên	9.896	10.469	11.020
Nợ quá hạn	105	22	76
Tỷ lệ nợ quá hạn	1,06%	0,21%	0,69%

Đơn vị tính: tỷ đồng  
 Nguồn: Tác giả tổng hợp

Qua số liệu phân tích cho thấy khả năng quản lý và thu hồi nợ của NHCSXH có cải thiện là từ 0,69% trong năm 2019 giảm xuống còn 0,21% trong năm 2020. Tuy nhiên đến

năm 2021 tỷ lệ nợ quá hạn lại tăng lên 1,06%. Điều này cũng cho ta thấy được chất lượng tín dụng có phần nào bị giảm sút, nhiều sinh viên ra trường vẫn chưa đảm bảo được thu nhập trả nợ nên dẫn đến các khoản nợ bị kéo dài. Tuy nhiên tỷ lệ nợ quá hạn này vẫn nằm trong giới hạn quy định.

#### 4.2. Các yếu tố tác động đến kết quả tín dụng

- **Cơ chế chính sách:** Đây là yếu tố quan trọng vì sự quan tâm của Nhà nước đến những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn viết tiếp ước mơ của mình trong tương lai và được thực thi qua NHCSXH với sự hỗ trợ từ các ban ngành, đoàn thể có liên quan.

- **Năng lực của NHCSXH:** Để nguồn tín dụng đến được đúng đối tượng thì đội ngũ nhân sự phải có chất lượng, phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận với nhau, đặc biệt là trách nhiệm của tổ tiết kiệm và vay vốn cần phải phát huy được vai trò của mình nhằm không bỏ sót đối tượng vay vốn, hỗ trợ trong việc thực hiện các thủ tục vay vốn. Ngoài ra NHCSXH cũng phát huy vai trò huy động vốn, đảm bảo đủ nguồn vốn hoạt động.

- **Công tác thông tin tuyên truyền:** Để đánh giá về công tác tuyên truyền nắm bắt thông tin của chương trình của sinh viên, tác giả đã đưa ra một khảo sát đối với sinh viên theo mức độ tiếp cận nắm bắt thông tin và nhu cầu vốn vay như sau: (1) Chưa nắm bắt được thông tin về chương trình tín dụng ưu đãi sinh viên; (2) Biết đến chương trình tín dụng ưu đãi nhưng không có ý định vay vốn; (3) Biết đến chương trình tín dụng ưu đãi nhưng không vay được vốn; (4) Mức vay vốn; (5) Thời hạn trả nợ và cho kết quả khảo sát như sau.

#### Bảng 6

Khảo sát mức độ tiếp cận thông tin chương trình tín dụng sinh viên

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ
1	Chưa nắm được thông tin về chương trình tín dụng ưu đãi dành cho sinh viên	41,5%
2	Biết đến chương trình tín dụng sinh viên nhưng không có ý định vay vốn	
	<i>Lo sợ không có việc làm để trả nợ</i>	59,8%
	<i>Lý do khác</i>	40,2%
3	Biết đến chương trình tín dụng sinh viên nhưng không vay được vốn	
	<i>Gặp khó khăn về thủ tục, điều kiện vay vốn</i>	28,2%
	<i>Lý do khác</i>	71,8%
4	Mức vốn vay	
	<i>Thấp</i>	57,5%
	<i>Bình thường</i>	37,9%
	<i>Cao</i>	4,6%
5	Thời hạn trả nợ	
	<i>Ngắn</i>	73,9%
	<i>Trung bình</i>	20,5%
	<i>Dài</i>	5,6%

Nguồn: Tác giả thực hiện

Qua kết quả khảo sát cho thấy các sinh viên không vay vốn là do áp lực trả nợ trong tương lai sau khi hoàn tất việc học chiếm tỷ lệ rất cao có thể những đối tượng này chưa bao giờ tham gia bất kỳ chương trình tín dụng ngân hàng nên sự lo sợ về các thủ tục, tiền lãi phải trả,...nên chưa thấy được lợi ích từ chương trình tín dụng dành cho sinh viên mà Nhà nước quan tâm chỉ đạo. Đây có thể nói là sự hạn chế về nhận thức cũng như nguồn tiếp cận thông tin. Tỷ lệ sinh viên biết đến chương trình nhưng không vay được vốn chiếm tỷ lệ cao không phải vì thủ tục vay vốn mà nguyên nhân nằm ở điều kiện vay vốn của chính sách.

Với tỷ lệ 41,5% sinh viên cho rằng chưa nắm được thông tin về chương trình tín dụng ưu đãi, điều này cho thấy thực trạng tiếp cận thông tin của đối tượng thụ hưởng chính sách rất tốt tuy nhiên đây chưa phải là tỷ lệ tối đa. Việc sinh viên biết được đến chương trình này chủ yếu thông qua trường, bạn bè,...kênh thông tin địa phương, thông tin mạng hầu như bị hạn chế. Lý do điều kiện sinh hoạt, cơ sở vật chất của phần lớn những sinh viên nghèo hầu như rất thấp và thậm chí có những sinh viên không có. Vì vậy đối với những sinh viên này thì NHCSXH cần phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan địa phương, tới các thôn, làng, xã, ấp, thôn bản,... nhằm tuyên truyền, phổ biến thông tin và vận động để họ có thể nắm bắt và tham gia.

- **Quy trình tín dụng sinh viên:** Quy trình tín dụng được đánh giá là gây khó khăn, làm mất nhiều thời gian cho cả người vay và người đi vay. Tuy nhiên theo kết quả khảo sát thì tỷ lệ gặp khó khăn về các thủ tục vay vốn điều kiện vay vốn tương đối thấp, điều đó cho thấy sự nỗ lực trong việc hỗ trợ thủ tục, quy trình vay vốn tín dụng dành cho sinh viên của NHCSXH một cách nhanh chóng và hiệu quả.

- **Mức vốn vay:** Đánh giá về mức vốn cho vay hiện nay, có 57,5% cho rằng số vốn này là thấp, chưa đủ để trang trải các chi phí sinh hoạt, 37,9% cho rằng mức vốn vay này bình thường, vừa đủ đáp ứng được nhu cầu chi tiêu sinh hoạt của sinh viên và chỉ có 4,6% cho rằng mức vốn này là cao và lớn hơn nhu cầu chi tiêu của sinh viên được vay vốn. Những đánh giá này phản ánh sát thực trạng áp lực tài chính đối với phần đông sinh viên đang theo học tại trường.

- **Lãi suất vay:** Lãi suất hiện nay NHCSXH áp dụng đối với chương trình là 6,6%/năm. Đây là mức lãi suất rất thấp so với lãi suất thị trường. Tuy nhiên do mang nặng tâm lý áp lực trả nợ trong tương lai nên đa số sinh viên cho rằng với mức lãi suất hiện nay là tương đối cao và mong muốn giảm xuống thấp hơn nữa.

- **Thời gian trả nợ:** Xét về mức độ phù hợp về thời gian sinh viên bắt đầu trả lãi và gốc vay của NHCSXH là không quá 12 tháng sau khi ra trường. Đối với sinh viên thì thời hạn này là quá ngắn vì thị trường lao động hiện nay khả năng sinh viên ra trường có việc làm ngay với mức thu nhập tương đối để vừa trang trải chi phí sinh hoạt vừa trả nợ trong khoảng thời gian ngắn là rất khó khăn.

## 5. Kết luận

Chương trình cho vay sinh viên thể hiện chính sách tín dụng đúng đắn, có ý nghĩa về kinh tế, chính trị, xã hội và nhân văn sâu sắc, phù hợp với nguyện vọng của hộ gia đình có con theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các cơ sở đào tạo.

Với hơn 14 năm thực hiện, chương trình đã đạt được nhiều thành tựu nhất định, giúp hàng triệu sinh viên tiếp nối con đường học tập của mình. Nhưng thực tế việc triển khai chương trình gặp một số vấn đề cần được quan tâm và giải quyết.

- Nguồn vốn vay còn hạn chế, chính sách tạo lập nguồn vốn cho chương trình chưa phù hợp.

- Định mức cho vay tín dụng sinh viên hiện nay nhìn chung là không đủ chi trả toàn bộ chi phí học tập mặc dù Nhà nước đã nhiều lần điều chỉnh mức vay.

- Thời gian cấp tín dụng và thu hồi nợ chưa thực sự phù hợp nên gây áp lực và khó khăn cho sinh viên vay vốn.

- Chương trình tín dụng không áp dụng hình thức đánh giá năng lực tài chính của sinh viên làm cơ sở cho việc cho vay khi ngân hàng xét hồ sơ pháp lý. Do đó đối tượng vay vốn bị hạn chế, người có nhu cầu vay vốn không được vay vốn, người không có nhu cầu vẫn có thể được vay nên dẫn đến nguồn vốn tín dụng đi sai đối tượng và sai mục đích vay vốn.

- Quy trình, thủ tục vay vốn tuy có nhiều cải thiện nhưng vẫn bất cập, gây khó khăn, làm mất nhiều thời gian.

## **6. Khuyến nghị**

Để chương trình tín dụng sinh viên thực sự đạt kết quả tốt và đến đúng đối tượng được thụ hưởng cần phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó:

- Cần rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện cơ chế chính sách về đối tượng vay vốn.

- Rà soát, sửa đổi và điều chỉnh định mức cho vay phù hợp nhằm đảm bảo sinh viên vay vốn trang trải đủ chi phí học tập. Khi tính toán định mức cho vay cần xem xét trên nhiều góc độ trong đó có xét đến yếu tố trượt giá của thị trường.

- Kế hoạch trả nợ cần điều chỉnh linh hoạt theo từng thời kỳ căn cứ trên thu nhập tương ứng ngành nghề của sinh viên sau khi ra trường.

- Có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội không chỉ trong việc tuyên truyền thực hiện chương trình mà còn mục đích là giám sát, thu hồi vốn.

- Kết hợp giữa chính sách tín dụng và định hướng việc làm cho sinh viên, tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân sinh viên khi tham gia chương trình.

---

## **Tài liệu tham khảo**

Chính phủ (2017). *Quyết định số 751/QĐ -TTg ngày 30/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức cho vay đối với học sinh, sinh viên.*

Chính phủ, (2007b). *Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.*

Hà, M.S (2019). Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tín dụng chính sách đối với học sinh, sinh viên. *Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán*, số 08.

Ngân Hàng Chính sách Xã hội (2019-2020). *Báo cáo thường niên.*

Ngân Hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (2015). *Chiến lược phát triển Ngân Hàng Chính sách Xã hội đến năm 2020*, Hà Nội.

Nguyễn, H.L (2019). Đánh giá kết quả triển khai chính sách tín dụng học sinh, sinh viên. *Tạp chí điện tử thanh tra.*

Nguyễn, M. H & Nguyễn, T. L (2019). Chương trình tín dụng sinh viên và một số vấn đề đặt ra. *Tạp chí tài chính online*.

Nguyễn, M.H (2019). *Hoàn thiện chính sách tín dụng đối với sinh viên Việt Nam- Nghiên cứu trường hợp các trường đại học thành viên ĐH Quốc gia Hà Nội*. Luận án Tiến sĩ Tài chính Ngân hàng, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

Nguyễn, M.H; Nguyễn, T.L & Nguyễn, T. N. N (2021). Nghiên cứu về hiệu lực chính sách tín dụng đối với sinh viên Việt Nam. *Tạp chí Tài chính online*.

Nguyễn, T.T.M & Nguyễn, H.T (2021). Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên. *Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, Số Volume 66, Issue 2.

Trần, T.M.T (2016). *Tín dụng cho học sinh, sinh viên Thành phố Hà Nội*. Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.